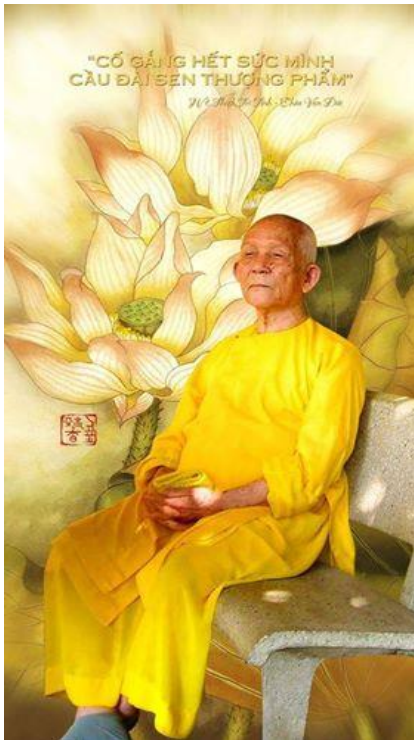




Bảo Đăng kim nhựt chúc thần sư :
HÒA THƯỢNG thâm tu đắc đại từ.
 Lục tự thường luân tâm bất biệt,
 Đắc thành chánh quả bát trần cư.
 Kim đương sứ giả Như Lai thị,
TRÍ TỊNH hồi quy Phật tánh như.
 Chung kiếp tắc hoàn An Dưỡng quốc,
 Kim đài thượng phẩm chứng vô dư.



Chí-tâm đánh-lễ :
Nam-mô Việt-Nam Liên-Tông SƯ-TỔ,
Hoàng-Dương môn TỊNH-ĐỘ,
Tam Tạng Pháp Sư Đạt giả
Hòa Thượng THÍCH TRÍ TỊNH
Hiệu HÂN-TỊNH
Viện Chủ VẠN ĐỨC Tịnh Viện. Quận Thủ Đức
Cập VẠN LINH TỰ (Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An-Giang)

Đại Sư thế danh Nguyễn Văn Bình, pháp danh là Thiện-Chánh, pháp tự là TRÍ TỊNH, đạo hiệu HÂN TỊNH, người miền Tây Nam Việt, sinh năm 1917 (Đinh Tỵ) ngày 17 tháng 10 (nhằm ngày 02 tháng 09 Âm) tại xã Mỹ An Hưng (Cái Tàu Thượng), huyện Châu-Thành, tỉnh Sa-Đéc (nay là huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp), vốn dòng dõi gia giáo.

Là con út trong gia đình có sáu anh chị em. Thân phụ Ngài là ông Nguyễn Văn Cân, một nông dân chon chất. Cụ ông qua đời lúc Ngài mới lên ba tuổi. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Truyen, mất lúc Ngài vừa được bảy tuổi. Vì mồ côi cả cha lẫn mẹ quá sớm, nên Ngài ở với người anh thứ ba là ông Nguyễn Văn Đăng (nay đã qua đời). Ngài có ba chị gái: thứ hai, thứ năm và thứ sáu. Người thứ tư thì mất sớm.

Lời của Đại sư kể lại :

-“Khoảng 12, 13 tuổi, tôi đã tự mình niệm Phật, Tôi đọc trong Tây phương trục chỉ, thấy có nói hễ niệm được 300 ngàn câu Phật thì được vãng sanh Cực Lạc. Tôi tin mà làm, nhưng vì sao tin thì tôi không biết!.

Tôi lấy quyển sách quảng cáo thuốc của ông anh (anh tôi làm chủ tiệm thuốc Bắc) đem về đặt trên gối ở đầu giường, cứ mở sách ra rồi... niệm Phật! Cứ tính niệm được 100 câu Phật thì lật một tờ. Mọi người tưởng tôi đọc truyện, bởi người ta có in kèm truyện trong sách. Tôi ở nhà mà niệm Phật lên vậy, không ai hay biết.

Lúc tôi biết mến đạo là vào khoảng năm 1928, thời điểm người ta bắt đầu xây dựng Thánh thất Cao Đài ở Tây Ninh. Một số người bà con của tôi cũng ở gần đó, theo Cao Đài, để tóc bới và ăn chay trường. Tôi cũng ăn chay trường một mình ở nhà, thường ăn với nước cơm, nước muối. Bởi hễ thấy thịt cá là tôi nhớ ngay đến cảnh người ta đánh vảy, cắt cổ, làm thịt nên không ăn được”.

Đến năm 10 tuổi, Ngài mới vào học lớp năm (thời đó, lớp năm là lớp một bây giờ). Ngài rất thông minh, vừa học vừa dạy lại các cháu. Ban đêm còn đọc truyện Tàu cho mọi người nghe.

Đúng 15 tuổi, Ngài học đến lớp đệ thất. Đại sư hết tuổi học trường Pháp Việt, qua cấp khác thì không đủ điều kiện, nên quyết định học nghề - từ học sửa xe đạp đến học sửa đồng hồ rồi theo người anh làm không công để học thuốc. Nhờ đọc sách thuốc mà Ngài dần dần thông chữ Hán, rồi sang học chữ Nho với người chú và học thuốc Bắc với người anh họ.

Ngài thấy cảnh lục đục của gia đình anh chị nên có ý xuất ly thế tục.

Từ đây, Ngài bắt đầu tìm hiểu đến các tôn giáo như Thiên Chúa, Cao Đài, Thông Thiên Học v.v... và đặc biệt quan tâm đến Phật giáo, vì chủ thuyết của các tôn giáo kia có nhiều điểm mà Ngài không thỏa mãn được.

-“Tôi muốn đi lữ, nhưng cha mẹ không có, tôi đang ở với anh chị nên cũng khó. Tôi lại còn người chị thứ sáu - bây giờ chị vẫn còn sống - hai chị em hủ hỉ có nhau, vui buồn chia sẻ, nếu đi thì bỏ chị lại. Tôi học nghề, nghĩ rằng nếu chị ở vậy thì hai chị em có thể nuôi nhau”.

Ngài không theo Cao Đài vì cảm thấy “không hợp”, dù ngài vẫn thường mượn các sách Thông Thiên Học của mấy thầy cô giáo để đọc.

-“Tôi tin pháp môn niệm Phật, không lúc nào quên đạo Phật, nhưng lại vô chùa không được, vì chùa lúc nào cũng tối om om, tượng thì ông nào cũng đội khăn đỏ trên đầu, chỉ có một đốm sáng nơi lỗ mũi, về nhà thấy muốn nóng lạnh. Ngoài đường thì có một ông thầy đi trước, thằng nhỏ theo sau, đầu đội cái thúng, trong để chuông mõ, tượng Phật và đồ minh khí để đốt. Tôi nghĩ tu hành gì kỳ vậy nên không mến được!”

Từ đó, Ngài âm thầm tập niệm Phật, trì chú và quán pháp Từ bi.

Ngài đến các chùa, đa số thấy quý thầy chú trọng về việc làm đồ mã, tụng kinh cúng bái, đi cúng đám.vv...

Hòa thượng nghĩ rằng, các vị cao Tăng có lẽ ẩn dật nơi non cao núi thẳm, nên có ý hoài vọng các chùa trên núi.

Năm 18 tuổi, Ngài bắt đầu ăn chay trường. Ứng theo diêm chiêm bao, Ngài thấy có một Ông già bảo rằng:

-“Con có căn tu, phải cần tìm thầy học đạo thì sẽ được như trong sách ước”.

Ông già còn bảo thêm rằng :

- "Chùng nào cộp chết, rắn mới về non" (Hòa thượng tuổi Tý).

Năm 1937, lúc Ngài được 21 tuổi, cùng người bạn lên Sài Gòn lập nghiệp, ở chung nhà trọ. Nhà ấy có một người đi chơi ở Tây Ninh về mua được một con cộp con, đem về nuôi được chín, mười ngày thì nó chết.

Ứng điềm chiêm bao, Ngài liền thu xếp tìm đường xuất gia.

Ngài đi thẳng lên núi Cẩm, vì trước đã nghe có nhiều vị chân tu trên núi ấy. Vừa đến chân núi, vì quá vui mừng nên quăng cả giày dép. Ngài nhảy từ tảng đá này qua tảng đá khác và nguyện ghé lại ngôi chùa nào trước thì sẽ xuất gia ở đó, dù chưa biết chùa đó tên gì, trụ trì là ai. Và rồi nhân duyên đưa Ngài đến ngôi chùa Vạn Linh.

Chùa Vạn Linh là một ngôi chùa ở xa và cao nhất.

Ngài vào chùa xin xuất gia. Lúc đó, Hòa thượng trụ trì không có ở trong chùa mà ở thất riêng ngoài bìa rừng, chỉ khi nào có việc thì sau giờ Niệm Phật mời Hòa Thượng trụ-trì vào dạy bảo Tăng chúng ít lời mà thôi.

Hôm ấy là tối 14 tháng 02 năm Đinh Sửu, ngày Sám hối giữa tháng. Sau giờ Sám hối, chúng Tăng ra mời Hòa thượng trụ trì vào. Hòa thượng trụ trì nhìn sững Ngài hồi lâu rồi mới nói với đại chúng rằng :

- "Bây đừng khinh thường thằng này. Đồi trước nó đã làm Hòa thượng, đồi này nó cũng làm Hòa thượng, nhưng vì có tội hay nhìn con gái nên đồi này bị bệnh mất suốt đồi".

Thế là hôm sau, Ngài được thể phát vào ngày vía Phật nhập Niết bàn.

Ngài xuất gia năm 1937 với HT.Thích Hồng Xứng tại chùa Vạn Linh (An Giang).

Ngài thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41. Là đệ tử của Cố Hòa Thượng Thiện-Quang, khai sơn chùa Vạn Linh ở núi Cẩm, Châu Đốc.

Sau khi xuất gia, Ngài lãnh việc viết số điệp. Hòa Thượng trụ trì cho Ngài ở cái thất nhỏ trong vườn chùa. Ngoài các việc và thời khóa trong chùa, Ngài ra thất tụng kinh và làm Phật sự trong bốn phận hết sức cần mẫn.

Ngài hành khổ hạnh như nhịn ăn, ít ngủ, đến đôi Hòa Thượng trụ trì phải cảnh cáo. Có lúc đang ăn, vì quá chú tâm đến sự tu tập nên rơi chén lúc nào mà không hay.

Nhận được tạp chí Từ Bi Âm, Ngài khởi ý nguyện học rộng Phật Pháp. Cuối năm 1939, Ngài xin phép Hòa Thượng trụ trì xuống núi về Sài Gòn để tìm học kinh luật.

1941, Ngài thọ giới Sa-di tại Huế với Đại lão Hòa thượng chùa Quốc Ân. Sau đó, tiếp tục học lên Trung đẳng và tốt nghiệp vào cuối năm 1942.

1945 thì tốt nghiệp Cao đẳng. Cũng năm này, trường An-Nam Phật Học dời vào Tông Lâm Kim Sơn, Ngài được Hội và Ban giám đốc cử làm Giám viện Quản đốc trường.

Kế đó,

Đại sư đảm nhiệm nhiếp thụ học chúng, HT. Trí Chiêu đảm nhiệm trọng trách vận động với Hội Phật Học Lương Xuyên tại Trà Vinh. Vào đến miền Nam, Ngài về chùa Kim Huê, Sa Đéc tạm ở và lo nhập thất.

Cuối năm 1946, gặp nạn thổ dẫy, địa phương không được ổn định. Ngài dời một số học Tăng về tạm ở chùa Vạn Phước, Phú Lâm, Chợ Lớn.

Đến năm 1950, Ngài có bệnh phải đi dưỡng bệnh ở chùa Linh Sơn, Cổ Tự (Vũng Tàu), nên giao

toàn trường cho Hòa Thượng Thiện Hoa vừa ở Bắc về quản lý.

Năm 1951, Hội chùa Linh Sơn thỉnh Ngài làm trụ trì và giao toàn quyền quản lý.

Năm 1952, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt được thành lập ở Sài Gòn. Ngài được mời giữ chức Trưởng Ban Giáo Dục và Trưởng Ban Giám Luật.

Kể đó, Ngài khai sơn tạo dựng Già Lam, lấy tên Đạo Tràng VẠN ĐỨC tọa lạc tại Thủ Đức, tỉnh Gia Định. Ngài trụ tích nơi đây, Phật pháp rất thanh hành. Lần lần, do uy tín và đạo đức của Ngài, Tăng Ni quy tụ về cất chùa am chung quanh, biến nơi này thành một đạo tràng lớn mà hiện nay, nói đến đạo tràng Vạn Đức ai ai cũng đều biết.

Năm 1955, với chí nguyện hoằng dương Tịnh Độ, hướng dẫn chúng sanh đòi mật pháp, Ngài thành lập CỤC LẠC LIÊN HỮU, khuyến tấn người người niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ.

Đại sư là bậc hóa chủ bốn liên, Có thể nói ngài là vị Tổ Sư khai nguyên phong trào xương minh chấn hưng Tịnh môn trong tòa nhà Phật Giáo Việt Nam cận đại. Ngài là bậc bác lãm kinh tạng, tinh A Tỳ Đạt Ma, Thiền, Giáo, Luật hay nói một cách đầy đủ, Đại Sư là bậc 'Đạt Già' quán triệt thánh điển; kiến thức đa văn, quảng bác Nho học. Đại sư lại tinh tường y được Đông Phương

Dịch phẩm của Ngài rất có giá trị, Ngài quý chuộng điều căn bản là dịch đúng nghĩa, chính xác, rõ ràng chơn chất, không bóng bẩy, âm vận êm xuôi, để người đọc tụng lưu thông, thâm nhận được nghĩa thú rất rõ ràng, dễ nắm bắt được ý chỉ của kinh.

1947 - Ngài dịch kinh PHÁP HOA ở Liên Hải Phật Học Trường. Sau đó là kinh Tam Bảo, Địa Tạng, Phẩm Phổ Hiền.

1951 -Ngài dịch BỒ TÁT GIỚI để tụng trong ngày Bồ Tát.

1952 -Trước tác bộ ĐƯỜNG VỀ CỤC LẠC tại chùa Linh Sơn, Vũng Tàu.

1964 -Dịch kinh HOA NGHIÊM, kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, ĐẠI BÁT NHÃ.

1972 -Dịch ĐẠI BẢO TÍCH (*Hán Bộ 01-120*).

1978 -Dịch thêm hai tập, Hán Bộ từ 121-150 VĂN THÙ VĂN BÁT NHÃ, Hán Bộ từ 151-155; VÔ TẬN Ý BỒ TÁT, Hán Bộ từ 156-159; THẬP LỤC QUÁN KINH, Hán Bộ 160. Tất cả ghép chung vào Đại Bảo Tích để tiện viện xin phép.

1962, Ngài được bổ nhiệm làm Phó Viện Trưởng Phật Học Viện Trung Phần.

1964, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập, Ngài làm Trưởng đoàn Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Việt Nam, được suy cử làm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự.

1973, làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.

1978, Ngài được Hòa Thượng Tăng Thống tấn phong giáo phẩm.

Huy hiệu bánh xe Pháp Luân 12 cãm của GHPGVNTN là ý kiến của Ngài (*Tam chuyển Pháp Luân Tứ Đế*).

1981, GNPGVN thành lập, Ngài được suy cử làm Phó Chủ Tịch Thường Trực.

1982, Kiêm thêm Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội.

1984, Ngài chính thức được suy cử làm Chủ Tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

1987, Kiêm thêm Trưởng Ban Tăng Sự, giao Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội cho Hòa Thượng Thiện Hào.

1992, Kiêm thêm Đề Nhất Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật đến bây giờ.

Đại sư cả đời tận tụy vì Phật Pháp, luôn lấy việc học kinh, tụng kinh, niệm Phật, giảng dạy và

phiên dịch kinh điển từ Hán Tạng ra Việt Văn làm chánh hạnh của đời mình.

Tuy tuổi đã hơn 90, nhưng tinh thần Hòa Thượng vẫn sáng suốt. Thân còn khỏe mạnh, tâm chuyên niệm Phật, vì sự lợi tha, cứ vào nửa tháng, Ngài lại truyền giới Bát quan trai cho hàng Phật tử tại gia đến tu học tại chùa Vạn Đức.

Tất cả các hàng Phật tử VN, dù là tại gia hay xuất gia, gần cũng như xa, trong quốc nội, hay khắp các nơi, ngoài quốc ngoại đi chẳng nữa, thấy đều thọ nhận một đại ơn cao rộng, thâm sâu không thể nghĩ bàn được, từ ở nơi Ngài.

Bởi vì nhờ vào nơi hạnh nguyện và ân-đức của Ngài, vẫn hằng luôn thương tưởng đến các hàng Phật tử chúng con, cho nên trong suốt hơn nửa thế-kỷ qua, Ngài đã dùng đủ mọi “thiện phương tiện”, dắt-dìu các hàng Tứ chúng tu học...nhờ thế mà ngày hôm nay, hàng Tứ chúng mới có được đây-đủ KINH PHÁP ĐẠI THỪA để tu học.

Riêng cá nhân Bảo Đăng, hồi tưởng lại gần 50 năm về trước, khi mới bước chân vào đường đạo, với pháp môn Tịnh Độ, qua quyển “Đường về Cực Lạc” và bộ kinh “Tam Bảo”, mà Ngài đã phiên dịch trước kia, làm một thắng duyên giúp Bảo Đăng tu tập.

Chính nhờ ở nơi hai bộ Kinh này, làm thiện tri thức, nên đã khiến cho thiện căn Bảo Đăng về Phật pháp đã vun trồng trong quá khứ, được tiếp nối, phát triển và càng ngày càng thêm bền chắc hơn lên, mãi cho đến bây giờ.

Vào đầu năm 1993, Bảo Đăng về thăm lại quê nhà sau 20 năm xa cách.

Đến Chùa VẠN-ĐỨC để đánh lễ một bậc Thạc-dức, chân tu thời nay, trong khi Bảo Đăng hầu, kể cho Ngài nghe về những Phật sự mình đã và đang làm, và tình trạng Phật giáo ở nước ngoài. Khi bàn đến bộ kinh ĐẠI BẢO TÍCH... Ngài có vẻ đăm-chiêu, nhưng sau đó rồi Ngài vui lắm, Ngài nhìn Bảo-Đăng một hồi lâu, đoạn nghiêm trang nói :

“-Bộ Kinh ĐẠI BẢO TÍCH là bộ kinh cuối cùng mà Ta đã dịch xong vào năm 1987, được ấn hành lần đầu tiên, nhưng vì sự sơ-sốt của ban ấn loát Thành Hội Phật giáo, nên làm 50% kinh văn đều sai sót. Ta mò mẫm đọc lại với đôi mắt đã bị lòa, chẳng những không chút hài lòng nào, mà mỗi khi nhớ đến lòng Ta luôn buồn ray-rứt. Suốt bao năm dài trải qua Ta vẫn mang lòng đợi chờ một người có đại tâm.

Nay Ta rất vui mừng gặp lại con là người mà Ta hằng luôn mong đợi...

Vậy, Ta giao cho con (bản thảo) của bộ Kinh ĐẠI BẢO TÍCH...và đảm nhận lấy phần in ấn”.

Bảo Đăng chưa kịp suy-nghĩ hoặc trả lời nhận hay không nhận.

Ngài đã kêu Thầy HOÀNG TẤT, THẦY HOÀNG TRI đem hết bản thảo ra giao cho BẢO-ĐĂNG liền ngay đó.

Sau khi Thầy Hoàng Tất hì-hục khiêng hết bản-thảo ra chất chồng cao như núi. Bảo Đăng nhìn thấy đã toát mồ hôi rồi. Một trọng trách quá lớn đối với một người nữ với 2 bàn tay nhỏ bé, thân xác thì ở Hải ngoại, mà bản thảo thì ở tận quê nhà, tổng cộng số tập viết lại, cả xe ba bánh chở mới hết.

Bảo Đăng cầm lên từng cuốn tập cũ-kỹ đã ngả màu, với những dòng chữ viết tháo của Hòa Thượng rất là khó đọc, lại không tài nào mang về Mỹ hết được.

Bảo Đăng bàn với Thầy HOÀNG TRI phụ lo về phần sửa bản in, TT. THÍCH THIỆN MINH và TT. THÍCH ĐỒNG BỔN lo phần biên tập, còn BẢO-ĐĂNG lo về phần kinh phí. Phải mất hết 3 năm Bộ ĐẠI BẢO TÍCH mới hoàn thành. (Trọn bộ gồm 9 quyển, mỗi quyển dày 700 trang, bìa cứng mạ

vàng). BẢO ĐĂNG đã gởi cúng dường chùa khắp nơi một bộ.

(Kèm theo tờ phụ-chú của Ngài đã viết trong kinh Đại Bảo Tích quyển 1 trang 6)

Sự Hoàn-nguyên của ĐẠI SƯ là một mất mát vô cùng to lớn cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trong quốc nội cũng như quốc ngoại và để lại vô vàn nhớ nhung, hương tiếc cho toàn thể Tăng Ni, tín đồ khắp nơi trên thế giới.

Chúng con thành kính cúi lạy trước kim quan và nguyện giác linh Ngài được vãng sanh về ngôi kim đài thượng phẩm nơi miền Tây phương An lạc quốc.

Đại sư là một cao tăng đặc đạo, một nhục thân Bồ Tát, là một Tam Tạng Pháp sư, một vị đại tăng chói rực phần danh đức trong vòm trời Phật giáo Việt Nam là một đại Tôn Sư sáng ngời đạo hạnh.

ĐẠI SƯ cực lực hoằng dương TỊNH ĐỘ lòng lầy nhứt của Giáo Hội từ trước đến giờ.

Kể từ năm 1948 đến nay, dịch phẩm, tác phẩm của Đại sư phiên dịch và soạn thuật có kể ở trên :

Ngài Dịch thêm :

- Tam Bảo Tôn Kinh

(Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan, Phổ Môn, Kim Cang)

- Phạm Võng Kinh
- Ngộ Tánh Luận (dịch giải và phân đoạn)
- Thiền Tịnh Quyết Nghi
- Văn Sám Nguyên Thập Phương và Thập Đại Nguyên Phổ Hiền (dịch giải)

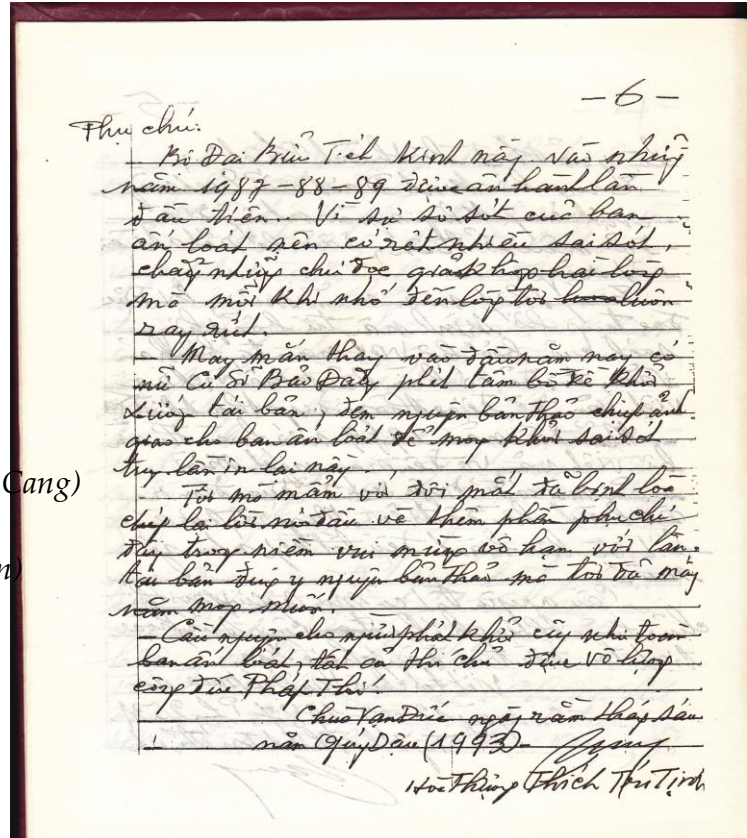
* Trước thuật :

- Pháp Hoa Cương Yếu
- Đường về Cực Lạc
- Văn Phát Nguyên Tu Thập Thiện

Thủ ngoại, Đại sư còn diễn giảng rất nhiều bộ kinh Đại thừa, trình bày chỉ thú pháp tướng, pháp tánh như :

- Pháp Hoa Thông Nghĩa
- Lăng Nghiêm Trực Chỉ
- Viên Giác
- Phật Tổ Tam Kinh
- Kinh Văn Trích Yếu
- Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm - Duy Thức Chương
- Bát Thức Quy Củ Tụng Thích Luận v.v...

Tóm lại, ngài giảng dạy tinh chỉ của Duy Thức, Tịnh Độ học, Thiền học v.v... một cách thâm



thúy.

Trước năm 1975, ĐẠI SƯ cùng chư tôn túc kiến lập Pháp Bảo Viện, chỗ phụng thờ và dịch thuật Tam Tạng thánh giáo và là nơi cư trú của chư Tăng, tọa lạc tại Thủ Đức. Chư vị tôn túc ký thác ngài trọng trách Tọa Chủ bốn viện.

Tăng cách của ngài không phải nói: Thường nhật, ĐẠI SƯ hành trì không bỏ sót thời gian, ít ngủ nghỉ, quá ngộ thời không ăn, Ngài không ăn được BA RÔ (là một loại HÀNH lá lớn, được nằm trong “NGŨ TÂN” (gồm có các loại hành, họ, tỏi, nén, hưng cừ (gia vị của Ấn độ), Cho nên Ngài phải tự luộc cà rốt, khoai tây, rau cải để ăn mỗi ngày. Giới hạnh tinh nghiêm, không nói chuyện ngoài sự đàm thuyết điển tịch Phật pháp.

Niệm châu không rời, không sót ngày Bồ Tát và An Cư dù lúc thân thể suy gầy. Có ai hỏi đạo lý thì tùy cơ đối giải. Thân giáo, khẩu giáo nghiêm minh nhưng rất hoan hỷ, lý tánh cùng tận, lắm nhiều thần tích. Tự trung, khách quan mà nhận xét, tất cả tông lâm, tự viện thời cận đại từ trước đến nay, kể cả toàn quốc từ Bắc, Trung, Nam không nơi nào vân tập tứ chúng đông đảo như chốn Lan Nhã của ĐẠI SƯ trụ tích.

Kể từ khi NGÀI khai sơn Chùa Vạn Đức, tăng tín đồ câu hội về quanh vùng thiết lập tu viện, tịnh xá, tịnh thất trên dưới bốn mươi ngôi. Có thể nói, ai có túc duyên bái kiến y chỉ với ngài không khác gì được yết kiến Thánh Giả.

Ân đức của Ngài cao thâm hơn cả núi cao, biển rộng và không còn gì có thể sánh ví cho bằng được. Tất cả hàng phật tử chúng con sẽ mãi biết ơn, khắc dạ, ghi lòng đại ân này.

Nay Báo duyên đã mãn,

Dẫu biết rằng :

Sanh ký, tử quy – có hợp ắt có tan, có tụ ắt có tán, đó là định luật ngàn thu. Ngài ra đi là để xả bỏ giả thân, chúng nhập pháp thân, nhưng chúng con làm sao tránh khỏi sự xúc động nghẹn ngào, khi Ngài đã buông bỏ tất cả, để về với Phật.

Một lần nữa, Báo Đăng xin đại diện cho tất cả đệ tử, môn đồ pháp quyến, Phật tử xa gần của **PHÁP HOA PHẬT TỰ MẬT – TỊNH ĐẠO TRÀNG - LIÊN HOA THẮNG HỘI** tại thành phố Tucson, Arizoon USA, thành kính đưa tiễn Tôn Sư về cõi Phật.

Toàn thể chúng con xin đê đầu đánh lễ bái biệt Tôn Ông tam bái.

Nam mô VẠN ĐỨC ĐẠI SƯ đường thượng ,

Hòa thượng Tôn Sư :

Thượng TRÍ hạ TỊNH

Trụ thế: 98 năm; Hạ lạp: 69 năm.

BẢO ĐĂNG xin nguyện chư PHẬT gia hộ cho hàng ngũ chư Tăng, Ni hậu tấn của ĐẠI SƯ sau này, cũng sẽ có một bậc chân sư, giống in như Ngài, về hai phương diện Đức, Tài như vậy, nếu được thế, ắt các hàng hậu học chúng con sẽ được may mắn xiết bao.

BẢO ĐĂNG con xin đê đầu đánh lễ bái biệt Tôn Sư.

Nam mô A-DI-ĐÀ PHẬT, TÁC ĐẠI CHỨNG MINH.